

Tăng tỷ trọng

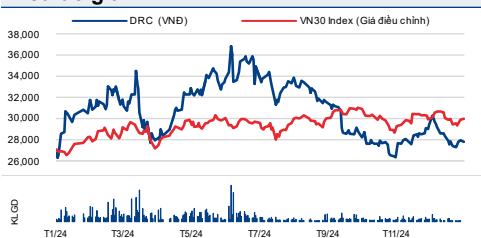
Giá mục tiêu: VNĐ33,400

Tiềm năng tăng/giảm: 20.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/1/2025)	27,800
Mã Bloomberg	DRC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	26,305-36,817
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	27,850
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	3,302
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	130
Slg CP lưu hành (tr.đv)	119
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	58.2
Slg CP NN được mua (tr.đv)	42.7
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	13.0%
Tỷ lệ freefloat	41.4%
Cổ đông lớn	in Hóa chất Việt Nam (50.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	4,495	4,812	5,582
EBITDA đc (tỷ đồng)	397	421	500
LNTT (tỷ đồng)	307	296	357
LNT ĐC (tỷ đồng)	223	213	257
FCF (tỷ đồng)	426	365	242
EPS ĐC (đồng)	1,881	1,795	2,164
DPS (đồng)	1,200	1,500	1,500
BVPS (đồng)	15,594	16,089	16,994
T.trưởng EBITDA (%)	(4.70)	5.87	18.8
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.6)	(4.50)	20.6
Tăng trưởng DPS (%)	(33.3)	25.0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.84	8.74	8.95
Tỷ suất LNTT (%)	6.84	6.15	6.39
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.52	4.93	5.12
Tỷ lệ LN trả CT (%)	57.4	75.2	62.4
Nợ thuần/VCSH (%)	20.6	30.7	32.8
ROAE (%)	13.2	12.6	14.5
ROACE (%)	16.5	16.4	18.4
EV/doanh thu (lần)	0.79	0.78	0.69
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.99	8.96	7.65
P/E ĐC (lần)	14.8	15.5	12.8
P/B (lần)	1.78	1.73	1.64
Lợi suất cổ tức (%)	4.32	5.40	5.40

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DRC là một trong những doanh nghiệp nội địa sản xuất lốp xe lớn nhất Việt Nam và là thành viên của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp hân.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2024: LNST giảm 38%, có phần thất vọng

- KQKD Q4/2024 kém tích cực, với doanh thu thuần 1,1 nghìn tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần chỉ ở mức 59 tỷ đồng, giảm 38% so với cùng kỳ và thấp hơn 8% so với dự báo của HSC do doanh thu và tỷ suất lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng.
- Trong năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt 232 tỷ đồng (giảm 6% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 4,7 nghìn tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ). Kết quả trên hoàn thành 98% và 97% dự báo lợi nhuận thuần và doanh thu thuần của chúng tôi.
- BLĐ đặt HKKD thận trọng cho năm 2025, với doanh thu gộp dự kiến đạt 5.054 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ) và LNTT 285 tỷ đồng (giảm 1% so với cùng kỳ). Trước khi đưa ra xem xét kỹ lưỡng hơn, chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 33.400đ (tiềm năng tăng giá: 20%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

KQKD Q4/2024 của DRC thấp hơn dự báo của HSC, với doanh thu thuần 1.118 tỷ đồng (tăng 2% so với cùng kỳ nhưng giảm 8% so với quý trước) và lợi nhuận thuần đạt 59 tỷ đồng (giảm 38% so với cùng kỳ nhưng tăng 29% so với quý trước). Lợi nhuận thuần thấp hơn 8% so với dự báo của chúng tôi, với doanh thu thấp hơn kỳ vọng và tỷ suất lợi nhuận giảm.

Doanh thu thuần tăng 2% so với cùng kỳ nhưng giảm 8% so với quý trước

Trong Q4/2024, doanh thu thuần tăng khiêm tốn 2% so với cùng kỳ (giảm 8% so với quý trước) đạt 1.118 tỷ đồng nhờ doanh thu lốp bias tăng 12% so với cùng kỳ (tăng 35% so với quý trước) lên 269 tỷ đồng nhưng được bù trừ bởi mức doanh thu giảm (so với cùng kỳ và so với quý trước) của cả hai phân khúc lốp TBR (lốp radial cho xe tải/xe buýt) và lốp PCR (lốp radial cho xe du lịch/xe con) lần lượt xuống 618 tỷ đồng và 23 tỷ đồng.

Xét theo thị trường: Doanh thu trong nước tăng 25% so với cùng kỳ (và tăng 37% so với quý trước) lên 534 tỷ đồng, bù trừ cho phần sụt giảm của doanh thu xuất khẩu. Doanh thu xuất khẩu giảm 13% so với cùng kỳ (và giảm 30% so với quý trước) xuống còn 25 triệu USD (634 tỷ đồng). Chúng tôi cho rằng sự sụt giảm này đến từ tình hình cạnh tranh ở Brazil. Sản phẩm lốp TBR và PCR của DRC phải cạnh tranh với các sản phẩm được sản xuất trong nước, từ các nhà máy do Trung Quốc đầu tư.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, DRC

Lợi nhuận thuần Q4/2024 giảm 38% so với cùng kỳ (tăng 29% so với quý trước) xuống mức 59 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	So với cùng kỳ	% hoàn thành
Doanh thu thuần	1,097	1,118	1.9%	-8.2%	4,495	4,673	4.0%	97.1%
Lợi nhuận gộp	202	141	-30.1%	-7.4%	651	729	12.0%	
Lợi nhuận tài chính ròng	5	13	159.5%	-177.6%	(5)	4	-184.2%	
Chi phí BH&QL	(85)	(81)	-4.6%	9.1%	(340)	(443)	30.3%	
LNTT	122	73	-39.7%	21.8%	307	289	-5.8%	97.7%
Lợi nhuận thuần	96	59	-38.1%	29.0%	248	232	-6.4%	97.8%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18.4%	12.6%		14.5%	15.6%			
Chi phí BH&QL/Doanh thu	-7.7%	-7.3%		-7.6%	-9.5%			
Tỷ suất LNTT	11.1%	6.6%		6.8%	6.2%			
Tỷ suất lợi nhuận thuần	8.7%	5.3%		5.5%	5.0%			

Nguồn: DRC, HSC

Lưu ý rằng, lớp TBR nhập khẩu vào Brazil phải chịu mức thuế 16%, nên sản phẩm của DRC có giá kém cạnh tranh hơn so với sản phẩm được sản xuất trong nước.

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm do chi phí đầu vào tăng

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm mạnh xuống mức 12,6% trong Q4/2024, từ mức 18,4% trong Q4/2023 (gần như không đổi so với mức 12,5% trong Q3/2024) do chi phí đầu vào tăng cao trong quý, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận gộp của hầu hết phân khúc sản phẩm đều thu hẹp, ngoại trừ PCR ghi nhận tỷ suất lợi nhuận tăng nhờ khả năng tối ưu hóa chi phí tốt hơn.

Chi phí bán hàng & quản lý giảm 5% so với cùng kỳ

Chi phí bán hàng & quản lý Q4/2024 giảm 5% so với cùng kỳ (nhưng tăng 9% so với quý trước do chi phí quản lý tăng theo thời vụ) lên 81 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu giảm xuống 7,3% trong Q4/2024, từ mức 7,7% trong Q4/2023, nhưng cao hơn mức 6,1% trong Q3/2024.

Sự hỗ trợ từ lợi nhuận HĐ tài chính

Trong Q4/2024, lợi nhuận HĐ tài chính của DRC ở mức 13 tỷ đồng, cao hơn so với 5 tỷ đồng trong Q4/2023 và lỗ tài chính 17 tỷ đồng trong Q3/2024. Lợi nhuận HĐ tài chính tăng là nhờ lãi tỷ giá trong quý, do tỷ giá USD/VND tăng.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

Trước khi đưa ra xem xét kỹ lưỡng hơn, HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 33.400đ (tiềm năng tăng giá: 20%). Cho năm 2025, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần được dự báo đạt lần lượt 5.582 tỷ đồng (tăng trưởng 15%) và 286 tỷ đồng (tăng trưởng 23%). Dự báo hiện tại của chúng tôi cho thấy DRC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,9 lần, cao hơn so với bình quân từ năm 2019 ở mức 12,6 lần..

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo dòng sản phẩm Q4/2024, DRC

Doanh thu thuần Q4/2024 chỉ tăng khiêm tốn do doanh thu lớp TBR và lớp PCR giảm

Tỷ đồng	Q4/23	Q3/24	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Tổng doanh thu	1,097	1,218	1,118	1.9%	-8.2%	4,495	4,673	4.0%
Lớp TBR	654	769	618	-5.5%	-19.7%	2,855	2,808	-1.7%
Lớp PCR	27	71	23	-14.8%	-67.3%	47	175	274.7%
Lớp Bias	240	199	269	12.2%	35.3%	843	898	6.6%
Lớp xe máy	71	88	96	35.2%	9.3%	327	370	13.3%
Lớp xe đạp	63	53	61	-2.9%	14.3%	270	249	-7.6%
% tỷ trọng								
Lớp TBR	59.6%	63.2%	55.3%		63.5%	60.1%		
Lớp PCR	2.5%	5.8%	2.1%		1.0%	3.8%		
Lớp Bias	21.9%	16.4%	24.1%		18.7%	19.2%		
Lớp xe máy	6.5%	7.2%	8.6%		7.3%	7.9%		
Lớp xe đạp	5.7%	4.4%	5.5%		6.0%	5.3%		

Nguồn: DRC

Bảng 3: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ, DRC

Cả lớp Bias, TBR và PCR đều ghi nhận doanh số xuất khẩu giảm trong khi sản lượng tiêu thụ trong nước tăng

Chiếc	Q4/23	Q3/24	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Lớp Bias	116,872	96,023	125,323	7.2%	30.5%	429,909	441,156	2.6%
Trong nước	76,160	56,454	89,627	17.7%	58.8%	270,826	295,089	9.0%
Xuất khẩu	40,712	39,569	35,696	-12.3%	-9.8%	159,083	146,067	-8.2%
Lớp TBR	175,834	210,542	161,823	-8.0%	-23.1%	760,840	738,404	-2.9%
Trong nước	24,451	24,048	30,653	25.4%	27.5%	89,051	111,066	24.7%
Xuất khẩu	151,383	186,494	131,170	-13.4%	-29.7%	671,789	627,338	-6.6%
Lớp PCR	57,563	138,776	39,795	-42.4%	-71.3%	94,400	355,198	276.3%
Trong nước		4,052	6,660	N/a	64.4%	-	14,050	N/a
Xuất khẩu	57,563	134,724	33,135	N/a	-75.4%	94,400	341,148	261.4%
% tỷ trọng xuất khẩu trên tổng doanh số bán hàng								
Lớp Bias	34.8%	41.2%	28.5%			37.0%	33.1%	
TBR	86.1%	88.6%	81.1%			88.3%	85.0%	
PCR	100.0%	97.1%	83.3%			100.0%	96.0%	

Nguồn: DRC

Bảng 4: Tỷ suất lợi nhuận gộp theo dòng sản phẩm, DRC

Tỷ suất lợi nhuận gộp của hầu hết các dòng sản phẩm đều giảm, ngoại trừ lớp PCR

	Q4/23	Q3/24	Q4/24	So với cùng kỳ (điểm phần trăm)	So với quý trước (điểm phần trăm)	2023	2024	Tăng trưởng (điểm phần trăm)
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18.4%	12.5%	12.6%	(5.8)	0.1	14.5%	15.6%	1.1
Lớp TBR	18.0%	11.4%	10.5%	(7.6)	(0.9)	15.1%	15.4%	0.3
Lớp PCR	-20.5%	-0.2%	-6.1%	14.3	(5.9)	-20.8%	-5.4%	15.3
Lớp Bias	21.5%	18.4%	15.6%	(5.9)	(2.8)	15.1%	18.2%	3.1
Lớp xe máy	17.6%	12.7%	14.7%	(2.9)	2.0	7.5%	15.7%	8.3
Lớp xe đạp	22.7%	15.1%	18.1%	(4.6)	3.0	14.8%	17.9%	3.1

Nguồn: DRC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	4,899	4,495	4,812	5,582	6,156
Lợi nhuận gộp	813	651	829	971	1,088
Chi phí BH&QL	(397)	(340)	(510)	(592)	(653)
Thu nhập khác	1.40	0.30	0	0	0
Chi phí khác	(0.26)	0.20	(0.24)	(0.28)	(0.31)
EBIT	417	312	319	379	436
Lãi vay thuần	(30.2)	(4.56)	(22.8)	(22.4)	(20.5)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	387	307	296	357	415
Chi phí thuế TNDN	(78.2)	(59.4)	(59.1)	(71.2)	(82.8)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	308	248	237	286	332
Lợi nhuận thuần ĐC	278	223	213	257	299
EBITDA ĐC	417	397	421	500	561
EPS (đồng)	2,597	2,089	1,995	2,405	2,797
EPS ĐC (đồng)	2,337	1,881	1,795	2,164	2,517
DPS (đồng)	1,800	1,200	1,500	1,500	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	119	119	119	119	119
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	119	119	119	119	119
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	119	119	119	119	119

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	155	321	192	150	164
Đầu tư ngắn hạn	210	134	96.2	83.7	123
Phải thu khách hàng	257	456	477	554	611
Hàng tồn kho	1,710	1,185	1,203	1,396	1,539
Các tài sản ngắn hạn khác	127	196	192	223	246
Tổng tài sản ngắn hạn	2,460	2,291	2,161	2,406	2,683
TSCĐ hữu hình	899	938	1,217	1,209	1,144
TSCĐ vô hình	2.03	1.32	0.61	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	11.6	129	129	129	129
Đầu tư vào Cty LD,LK	4.39	4.68	6.07	6.07	6.07
Tài sản dài hạn khác	43.8	42.8	45.8	53.1	58.5
Tổng tài sản dài hạn	960	1,115	1,398	1,397	1,338
Tổng cộng tài sản	3,420	3,407	3,559	3,803	4,021
Nợ ngắn hạn	686	565	556	590	589
Phải trả người bán	471	558	558	623	659
Nợ ngắn hạn khác	213	268	282	318	345
Tổng nợ ngắn hạn	1,508	1,529	1,545	1,702	1,782
Nợ dài hạn	0.69	24.9	102	81.5	65.2
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.42	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	1.11	24.9	102	81.5	65.2
Tổng nợ phải trả	1,509	1,554	1,647	1,784	1,848
Vốn chủ sở hữu	1,910	1,852	1,911	2,019	2,173
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.67	0.35	0.35	0.35	0.35
Tổng vốn chủ sở hữu	1,911	1,853	1,912	2,019	2,173
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,420	3,407	3,559	3,803	4,021
BVPS (đ)	16,082	15,594	16,089	16,994	18,291
Nợ thuần*/(tiền mặt)	532	269	467	522	490

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	417	312	319	379	436
Khấu hao	0	(85.2)	(102)	(120)	(126)
Lãi vay thuần	(30.2)	(4.56)	(22.8)	(22.4)	(20.5)
Thuế TNDN đã nộp	0	(59.4)	(59.1)	(71.2)	(82.8)
Thay đổi vốn lưu động	0	413	(39.7)	(204)	(164)
Khác	0	63.5	66.0	40.3	(17.7)
LCT thuần từ HKKD	28.4	426	365	242	276
Đầu tư TS dài hạn	-	-	-	-	-
Góp vốn & đầu tư	0	(124)	(380)	(112)	(61.6)
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	0	0.74	(2.98)	(7.27)	(5.41)
LCT thuần từ HĐĐT	121	6.67	(384)	(119)	(67.0)
Cổ tức trả cho CSH	0	(143)	(178)	(178)	(178)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	0	(97.3)	68.6	13.0	(17.2)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(83.5)	(271)	(110)	(165)	(195)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	89.6	155	321	192	150
LCT thuần trong kỳ	65.7	162	(129)	(42.1)	14.0
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.02	3.71	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	155	321	192	150	164
Dòng tiền tự do	28.4	426	365	242	276

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	16.6	14.5	17.2	17.4	17.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.51	8.84	8.74	8.95	9.12
Tỷ suất LNT (%)	6.30	5.52	4.93	5.12	5.40
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.2	19.3	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	11.9	(8.24)	7.04	16.0	10.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	10.3	(4.70)	5.87	18.8	12.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	6.02	(19.5)	(4.56)	20.6	16.3
Tăng trưởng EPS (%)	6.02	(19.6)	(4.50)	20.6	16.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	6.02	(19.5)	(4.56)	20.6	16.3
Tăng trưởng DPS (%)	5.88	(33.3)	25.0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	69.3	57.4	75.2	62.4	53.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	16.7	13.2	12.6	14.5	15.9
ROACE (%)	22.6	16.5	16.4	18.4	20.1
Vòng quay tài sản (lần)	1.49	1.32	1.38	1.52	1.57
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.07	1.36	1.14	0.64	0.63
Số ngày tồn kho	153	113	110	110	111
Số ngày phải thu	23.0	43.3	43.8	43.8	44.0
Số ngày phải trả	42.1	52.9	51.1	49.3	47.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	33.8	20.6	30.7	32.8	29.7
Nợ/tài sản (%)	23.4	20.6	21.9	21.3	20.1
EBIT/lãi vay (lần)	13.8	68.4	14.0	16.9	21.3
Nợ/EBITDA (lần)	1.92	1.77	1.85	1.62	1.44
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.63	1.50	1.40	1.41	1.51
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.78	0.79	0.78	0.69	0.62
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.20	8.99	8.96	7.65	6.76
P/E (lần)	10.7	13.3	13.9	11.6	9.94
P/E ĐC (lần)	11.9	14.8	15.5	12.8	11.0
P/B (lần)	1.73	1.78	1.73	1.64	1.52
Lợi suất cổ tức (%)	6.47	4.32	5.40	5.40	5.40

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn